

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 85/2023/DS-PT

Ngày 28/11/2023

"V/v kiện đòi tài sản"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn và ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "kiện đòi tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện TH bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2023/QĐPT-DS ngày 07/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mạc Thị Nh, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn DL, xã CC, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn DL, xã CC, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Bà Mạc Thị Nh, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn DL, xã CC, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lê Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Q: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1982 và chị Lê Thị Th1, sinh năm 1984; đều có địa chỉ: Số 46 Trần Bình, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Phạm Thị H và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Q;

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là anh Th, vắng mặt người làm chứng là chị Th1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mạc Thị Nh (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H1) trình bày:

Bà Mạc Thị Nh và bà Mạc Thị Nhưong là chị em ruột, vợ chồng anh chị Phạm Thị H, Lê Văn Q là con trai và con dâu bà Nhưong. Do bà Nhưong nhiều lần đến nhà bà bảo con dâu bà Nhưong là chị H (vợ anh Q) hiện làm nghề nhà nước, chuyên đi làm từ thiện, làm công việc rất tin tưởng và có lãi cao nên có tiền thì đưa cho anh chị H Q vay để anh chị làm ăn, có lãi sẽ chia cho bà; bà có hỏi chị H, chị H cũng bảo bà đưa tiền cho chị vay không phải lo. Vì là chị em ruột và là bác cháu trong gia đình nên bà tin tưởng. Ngày 16/4/2021 vợ chồng bà đã đến Quỹ tín dụng nhân dân xã CC vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 9%/năm. Sau khi vay tiền xong, cùng ngày vợ chồng bà đã đưa trực tiếp tiền mặt cho vợ chồng anh chị Q H số tiền 300.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng bà sử dụng chi tiêu trong gia đình. Khi giao và nhận tiền, hai bên không viết giấy tờ gì, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nhưng trước khi ông bà vay tiền cho chị H, anh Q, chị H đã bảo bà là cứ khi nào Ngân hàng thu lãi thì bảo chị H, chị sẽ gửi tiền để trả lãi, còn thời hạn trả gốc theo thời hạn vay tại Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng. Khoảng hơn 02 tháng sau, vợ chồng anh chị H Q đã trả ông bà số tiền 105.000.000 đồng trong đó 100.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền gốc còn lại 200.000.000 đồng, bà đã nhiều lần đòi tiền nhưng anh chị H Q không trả, bà đã yêu cầu chị H viết cho bà giấy, chị H đã viết nội dung như sau: “16/4/2021 số bút toán FT2110495902837 số tiền 450.000.000 đồng, người chuyển tiền Phạm Thị H; người nhận tiền Bùi Văn Th (0966229211); ngân hàng Agribank CN TH, Hải Dương; bác Nh số tiền 300.000.000 đồng; bà nội số tiền 150.000.000 đồng. anh Th (0966229211 Mỹ Đình - Hà Nội (quán bán sữa) đã trả nhận lãi được (105.000.000 đồng) bác còn lại 200.000.000 đồng nợ ngân hàng”. Bà Nh công nhận trước khi đưa tiền cho anh chị H Q, chị H có chụp ảnh thẻ căn cước của bà, việc chụp thẻ căn cước để làm gì bà không biết, ông bà không quen biết anh chị Th, Th1, không kiện đòi tiền anh chị Th Th1. Bà khởi kiện yêu cầu chị H và anh Q trả số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ 16/4/2021 đến thời điểm xét xử. Kèm theo đơn

khởi kiện bà giao nộp được bản chính giấy ghi ngày 16/4/2021 do chị H viết. Ông bà không đề nghị chuyển sang Công an để xem xét xử lý về hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nh rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị H, anh Q phải trả tiền lãi, chỉ yêu cầu trả tiền gốc 200.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn chị Phạm Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Q đều thống nhất trình bày:

Công nhận mối quan hệ giữa anh chị và bà Nh, bà Nhung như bà Nh trình bày là đúng. Vợ chồng anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị Th1 là anh rể và là chị họ của chị H. Thông qua anh chị Th Th1 nên anh chị và nhiều người trong xã L tham gia đầu tư tiền ảo, có lãi suất cao nên bà Nhung đã bảo bà Nh là chị gái tham gia đầu tư tiền ảo. Bà Nh đồng ý và có đến nhờ anh chị đầu tư tiền ảo giúp, trước khi đầu tư chị H có nói rõ cho bà Nh biết đầu tư loại hình này lãi suất cao nhưng rủi ro lớn, bà Nh vẫn đồng ý nhờ vợ chồng chị đầu tư hộ, vì bà Nh không biết dùng điện thoại nên nhờ vợ chồng chị đăng ký tài khoản và rút hộ lãi. Ngày 14/4/2021 chị đã chụp ảnh chân dung và thẻ căn cước của bà Nh để gửi thông qua tài khoản zalo cho anh Th để nhờ anh Th tạo tài khoản ICM Macthinhan@gmail.com, sau đó chị H tạo mật khẩu và sử dụng tài khoản này, cùng ngày chị H chuyển vào tài khoản của anh Th số tiền 450.000.000 đồng, trong đó anh chị ứng trước cho bà Nh số tiền 300.000.000 đồng, số tiền 150.000.000 đồng là tiền đầu tư của bà Nhung (BL46). Ngày 16/4/2021, ông bà Nh H1 đã vay tiền quỹ tín dụng nhân dân xã Cẩm Chế, cùng ngày đã đưa cho vợ chồng chị số tiền 300.000.000 đồng hai bên không làm giấy tờ biên nhận. Anh chị khẳng định không vay tiền của ông bà Nh H1 mà do bà Nh đưa tiền để đầu tư tiền ảo, việc chuyển tiền, tạo tài khoản, mật khẩu, quy đổi, rút tiền đều do chị H thực hiện. Số tiền 300.000.000 đồng của bà Nh quy đổi sang tiền ảo tài khoản của bà Nh có 12.000 USD, sau hơn 02 tháng tài khoản của bà Nh có lãi, chị đã rút được số tiền 105.000.000 đồng tiền lãi và đã trả cho bà Nh, số đô la gốc còn nguyên trong tài khoản. Do chủ sàn đầu tư là bà Nông Ngọc Th1 bỏ trốn nên sàn bị sập, người đầu tư đã mất hết số tiền gốc còn lại, đây là tình trạng chung. Bà Nh đã nhiều lần đến đòi tiền và yêu cầu chị viết giấy nên chị đã viết giấy ghi ngày 16/4/2021, chị xác định là chữ viết trong giấy do bà Nh nộp cho Tòa án là của chị, không yêu cầu giám định. Nay bà Nh khởi kiện đòi anh chị số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 16/4/2021 đến nay, anh chị không chấp nhận. Việc bà Nh nhờ anh chị đầu tư tiền ảo, theo anh Q khai, ông H1 không biết, theo chị H khai ông H1 có biết hay không, chị không biết. Thông qua anh chị Th Th1 là người tạo tài khoản, sau đó anh chị Th Th1 chuyển đến sàn tổng do chị Nông Ngọc Th1 quản lý. Anh chị không biết địa chỉ và các

thông tin cụ thể của chị Nông Ngọc Th1. Anh chị không đòi tiền anh chị Th Th1. Anh chị đã giao nộp được các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy ủy nhiệm chi chuyển tiền ngày 14/4/2021, các tin nhắn trích từ tài khoản zalo của chị H có nội dung trao đổi thông tin giữa chị H và anh chị Th Th1 liên quan đến mã tài khoản tiền ảo có tên bà Mạc Thị Nh.

Lời khai của những người làm chứng:

Bà Mạc Thị Nhung trình bày: Bà là em ruột bà Nh, thấy con trai và con dâu và nhiều người dân ở gần nhà đầu tư tiền ảo có lãi, vì thương chị vất vả mà không có tiền, bà đã nhiều lần đến nhà bà Nh bảo bà Nh tham gia đầu tư, bà Nh không có tiền nên đã vay quỹ tín dụng nhân dân xã CC để đầu tư. Sau khi vay tiền đã đưa cho anh chị H Q số tiền 300.000.000 đồng, thời gian đầu bà Nh đã rút được lãi số tiền 105.000.000 đồng, số đô gốc vẫn còn trong tài khoản. Bà cũng đầu tư 150.000.000 đồng, không may sập sàn không rút được tiền đã mất hết, đây là rủi ro chung. Nay bà Nh khởi kiện đòi tiền anh chị H Q, bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Anh Bùi Văn Th và chị Lê Thị Th1 đều thống nhất trình bày: Anh chị không quen biết ông bà Nh H1. Chị Th1 là chị họ của chị H, anh Th là anh rể của chị H. Thông qua vợ chồng anh chị nên chị H có biết đến kênh đầu tư tiền ảo do bà Nông Ngọc Th1 là chủ sàn giao dịch, vì chị H chưa biết cách lập tài khoản nên nhờ anh Th tạo tài khoản giúp, sau khi tạo tài khoản và mật khẩu xong anh Th đã bàn giao cho chị H. Ngày 14/4/2021 chị H nhờ anh Th tạo tài khoản cho bà Nh, chị H chuyển số tiền 450.000.000 đồng cho anh Th nhờ anh Th đăng ký mua đô (tiền ảo) hộ thông qua tài khoản của bà Nông Ngọc Th1 giá quy đổi đô 1000USD = 24.000.000 đồng tiền Việt Nam. Sau khi sập sàn bà Th1 bỏ trốn. Anh chị và nhiều nhà đầu tư không biết địa chỉ của bà Nông Ngọc Th1 ở đâu nên đã mất trắng số tiền đầu tư, anh chị không quen biết và không có họ hàng gì với bà Nh, nếu chị H kiện đòi anh chị số tiền này anh chị không chấp nhận. Anh chị biết việc bà Nh tham gia đầu tư tiền ảo vì là đầu tư nên có rủi ro, khi có lãi chị H cũng nhiều lần nhắc bà Nh có rút gốc về không nhưng bà Nh bảo là muốn để lại để lĩnh tiền lợi nhuận, trong khi lập tài khoản có chụp chứng minh thư nhân dân và chân dung bà Nh.

Ông Đặng Mậu Thân trình bày: Ngày 16/4/2021, Quỹ tín dụng nhân dân xã CC có cho ông bà Nh H1 vay số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay 01 năm, lãi suất 9%/năm. Có khế ước vay tiền. Hiện nay đã tắt toán khế ước. Sau khi giải ngân xong, ông bà Nh H1 có đưa tiền cho ai không Quỹ tín dụng không nắm được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 09/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35;

khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 468, 554, 555, 556, 557, 558, 559 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh chị H Q phải trả lãi 9%/năm; 9,5%, 10,5%/năm kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mạc Thị Nh.

3. Buộc chị Phạm Thị H và anh Lê Văn Q phải trả bà Mạc Thị Nh và ông Nguyễn Văn H1 số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Phạm Thị H và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Khoảng tháng 7, tháng 8/2019, bà Nh nhiều lần đến nhà chị đòi tiền nhưng do không rút được tiền trong tài khoản tiền ảo ra (lúc đó sần sập sập) và thương bà Nh nên chị đã lấy tiền riêng của vợ chồng đưa cho bà Nh 3 lần với tổng số tiền 23.000.000 đồng để bà Nh trả lãi ngân hàng. Tuy nhiên, chị chỉ trình bày vậy chứ không yêu cầu bà Nh phải trả anh chị khoản tiền này. Bà Nh không thừa nhận đã nhận của chị H 23.000.000 đồng và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H và anh Lê Văn Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà; chị H và anh Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của chị Phạm Thị H và anh Lê Văn Q trong thời gian luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bà Nh, ông H1 và chị H, anh Q đều xác nhận sự việc chị H, anh Q có nhận của bà Nh, ông H1 số tiền 300.000.000 đồng, nguồn tiền do vợ chồng bà Nh vay tại Quỹ tín dụng nhân dân xã CC, huyện TH. Bà Nh trình bày sau khi vay tiền của Quỹ tín dụng, vợ chồng bà cho vợ chồng chị H vay lại số tiền trên với lãi suất và thời gian như ông bà vay của quỹ tín dụng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không lập văn bản, giấy tờ gì. Chị H, anh Q không thừa nhận việc vợ chồng bà Nh cho vay tiền mà xác định bà Nh đưa tiền để nhờ vợ chồng anh chị đầu tư tiền ảo qua mạng. Ngoài lời khai của mình, bà Nh không xuất trình thêm được chứng cứ nào khác chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận trình bày của bà Nh cho vợ chồng chị H, anh Q vay tiền.

[3] Chị H, anh Q xác định có nhận của bà Nh số tiền 300.000.000 đồng do bà Nh nhờ vợ chồng chị đầu tư tiền ảo nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh giữa ông H1, bà Nh và anh Q, chị H có thỏa thuận với nhau về việc đầu tư tiền ảo (cách thức đầu tư, tỷ lệ ăn chia lỗ, lãi, mức độ rủi ro...). Chị H có xuất trình 01 giấy ủy nhiệm chi ghi ngày 14/4/2021, thể hiện chị đã chuyển tiền cho anh Th, chị H cho rằng chị chuyển số tiền 300.000.000 đồng của bà Nh cho anh Th để nhờ anh Th mở tài khoản tiền ảo hộ bà Nh nhưng việc chuyển tiền này lại diễn ra vào ngày 14/4/2021, trước thời điểm bà Nh, ông H1 giao tiền cho vợ chồng chị 02 ngày (ngày 16/4/2021 vợ chồng bà Nh mới giao tiền). Ngoài ra, chị H còn xuất trình tài liệu là các đoạn tin nhắn trao đổi về việc mở tài khoản, rút tiền từ tài khoản tiền ảo mang tên Mạc Thị Nh với anh Bùi Văn Th, ảnh chụp chân dung, thẻ căn cước của bà Nh, HĐXX thấy việc liên hệ, giao dịch, tạo tài khoản và mật khẩu đều do chị H và anh chị Th Th1 thực hiện; mặc dù có mã tiền ảo tên Mạc Thị Nh nhưng mã tài khoản và mật khẩu này đều do chị H quản lý, điều hành. Việc chụp ảnh chân dung và thẻ căn cước của bà Nh để đăng ký tên tài khoản Mạc Thị Nh là do chị H thực hiện, trong khi bà Nh trình bày không biết chụp ảnh chân dung và thẻ căn cước để làm gì. Chị H và anh chị Th, Th1 đều khẳng định giữa ông bà Nh H1 và anh chị Th Th1 không quen biết nhau. Như vậy việc tạo tài khoản, mật khẩu có tên Mạc Thị Nh trong mã tài khoản tiền ảo và chuyển tiền vào tài khoản của anh Th là do chị H quản lý, thực hiện, không có căn cứ xác định bà Nh đã thể hiện ý chí định đoạt số tiền này để đầu tư tiền ảo như lời trình bày của bị đơn. Vì vậy, chị H, anh Q nhận tiền nên phải có nghĩa vụ thanh toán trả bà Nh, ông H1 số tiền đã nhận.

[4] Về số tiền chị H, anh Q đã trả: Các bên đương sự đều xác định chị H, anh Q đã trả cho bà Nh, ông H1 số tiền 105.000.000 đồng vào tháng 6/2021. Chị H trình bày đây là tiền lãi từ mã tiền ảo của bà Nh, bà Nh xác định trong số 105.000.000 đồng chị H trả ông bà có 100.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi. Như phân tích ở trên, số tiền bà Nh, ông H1 giao cho chị H, anh Q

không phải là tiền bà Nh, ông H1 nhờ đầu tư tiền ảo nên chị H, anh Q phải trả số tiền đã nhận, nên nếu xác định số tiền 105.000.000 đồng là tiền lãi như lời trình bày của chị H là không phù hợp và không có lợi cho chị H. Hơn nữa, căn cứ vào văn bản chị H viết cho bà Nh ghi ngày 16/4/2021, thể hiện sau khi trừ đi số tiền 105.000.000 đồng thì bà Nh còn nợ Ngân hàng 200.000.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm, chị H còn trình bày khoảng tháng 7, tháng 8/2021, chị đưa cho bà Nh số tiền 23.000.000 đồng (là tiền riêng của vợ chồng chị) để bà Nh trả lãi Ngân hàng nhưng chị không đưa ra được căn cứ chứng minh, cũng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết khoản tiền này nên HĐXX không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp về số tiền này thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ xác định chị H, anh Q đã trả bà Nh, ông H1 số tiền 105.000.000 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ số tiền 200.000.000 đồng, bà Nh không yêu cầu chị H, anh Q phải trả ông bà tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H, anh Q phải trả bà Nh, ông H1 khoản tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của chị H và anh Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị H, anh Q không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không được HĐXX xem xét giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H và anh Lê Văn Q; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn Q, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000927 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà.

3. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 28/11/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Nhu

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 85/2023/DS-PT

Ngày 28/11/2023

"V/v kiện đòi tài sản"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn và ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “*kiện đòi tài sản*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2023/QĐPT-DS ngày 07/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mạc Thị Nh, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn DL, xã CC, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn DL, xã CC, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Bà Mạc Thị Nh, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn DL, xã CC, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lê Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Q: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1982 và chị Lê Thị Th1, sinh năm 1984; đều có địa chỉ: Số 46 Trần Bình, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Phạm Thị H và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Q;

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là anh Th, vắng mặt người làm chứng là chị Th1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mạc Thị Nh (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H1) trình bày:

Bà Mạc Thị Nh và bà Mạc Thị Nhưong là chị em ruột, vợ chồng anh chị Phạm Thị H, Lê Văn Q là con trai và con dâu bà Nhưong. Do bà Nhưong nhiều lần đến nhà bà bảo con dâu bà Nhưong là chị H (vợ anh Q) hiện làm nghề nhà nước, chuyên đi làm từ thiện, làm công việc rất tin tưởng và có lãi cao nên có tiền thì đưa cho anh chị H Q vay để anh chị làm ăn, có lãi sẽ chia cho bà; bà có hỏi chị H, chị H cũng bảo bà đưa tiền cho chị vay không phải lo. Vì là chị em ruột và là bác cháu trong gia đình nên bà tin tưởng. Ngày 16/4/2021 vợ chồng bà đã đến Quỹ tín dụng nhân dân xã CC vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 9%/năm. Sau khi vay tiền xong, cùng ngày vợ chồng bà đã đưa trực tiếp tiền mặt cho vợ chồng anh chị Q H số tiền 300.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng bà sử dụng chi tiêu trong gia đình. Khi giao và nhận tiền, hai bên không viết giấy tờ gì, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nhưng trước khi ông bà vay tiền cho chị H, anh Q, chị H đã bảo bà là cứ khi nào Ngân hàng thu lãi thì bảo chị H, chị sẽ gửi tiền để trả lãi, còn thời hạn trả gốc theo thời hạn vay tại Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng. Khoảng hơn 02 tháng sau, vợ chồng anh chị H Q đã trả ông bà số tiền 105.000.000 đồng trong đó 100.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền gốc còn lại 200.000.000 đồng, bà đã nhiều lần đòi tiền nhưng anh chị H Q không trả, bà đã yêu cầu chị H viết cho bà giấy, chị H đã viết nội dung như sau: “16/4/2021 số bút toán FT2110495902837

số tiền 450.000.000 đồng, người chuyển tiền Phạm Thị H; người nhận tiền Bùi Văn Th (0966229211); ngân hàng Agribank CN Thanh Hà, Hải Dương; bác Nh số tiền 300.000.000 đồng; bà nội số tiền 150.000.000 đồng. anh Th (0966229211 Mỹ Đình - Hà Nội (quán bán sữa) đã trả nhận lãi được (105.000.000 đồng) bác còn lại 200.000.000 đồng nợ ngân hàng”. Bà Nh công nhận trước khi đưa tiền cho anh chị H Q, chị H có chụp ảnh thẻ căn cước của bà, việc chụp thẻ căn cước để làm gì bà không biết, ông bà không quen biết anh chị Th, Th1, không kiện đòi tiền anh chị Th Th1. Bà khởi kiện yêu cầu chị H và anh Q trả số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ 16/4/2021 đến thời điểm xét xử. Kèm theo đơn khởi kiện bà giao nộp được bản chính giấy ghi ngày 16/4/2021 do chị H viết. Ông bà không đề nghị chuyển sang Công an để xem xét xử lý về hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nh rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị H, anh Q phải trả tiền lãi, chỉ yêu cầu trả tiền gốc 200.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn chị Phạm Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Q đều thống nhất trình bày:

Công nhận mối quan hệ giữa anh chị và bà Nh, bà Nhung như bà Nh trình bày là đúng. Vợ chồng anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị Th1 là anh rể và là chị họ của chị H. Thông qua anh chị Th Th1 nên anh chị và nhiều người trong xã L tham gia đầu tư tiền ảo, có lãi suất cao nên bà Nhung đã bảo bà Nh là chị gái tham gia đầu tư tiền ảo. Bà Nh đồng ý và có đến nhờ anh chị đầu tư tiền ảo giúp, trước khi đầu tư chị H có nói rõ cho bà Nh biết đầu tư loại hình này lãi suất cao nhưng rủi ro lớn, bà Nh vẫn đồng ý nhờ vợ chồng chị đầu tư hộ, vì bà Nh không biết dùng điện thoại nên nhờ vợ chồng chị đăng ký tài khoản và rút hộ lãi. Ngày 14/4/2021 chị đã chụp ảnh chân dung và thẻ căn cước của bà Nh để gửi thông qua tài khoản zalo cho anh Th để nhờ anh Th tạo tài khoản ICM Macthinhan@gmail.com, sau đó chị H tạo mật khẩu và sử dụng tài khoản này, cùng ngày chị H chuyển vào tài khoản của anh Th số tiền 450.000.000 đồng, trong đó anh chị ứng trước cho bà Nh số tiền 300.000.000 đồng, số tiền 150.000.000 đồng là tiền đầu tư của bà Nhung (BL46). Ngày 16/4/2021, ông bà Nh H1 đã vay tiền quỹ tín dụng nhân dân xã Cẩm Chế, cùng ngày đã đưa cho vợ chồng chị số tiền 300.000.000 đồng hai bên không làm giấy tờ biên nhận. Anh chị khẳng định không vay tiền của ông bà Nh H1 mà do bà Nh đưa tiền để đầu tư tiền ảo, việc chuyển tiền, tạo tài khoản, mật khẩu, quy đổi, rút tiền đều do chị H thực hiện. Số tiền 300.000.000 đồng của bà Nh quy đổi sang tiền ảo tài khoản của bà Nh có 12.000 USD, sau hơn 02 tháng tài khoản của bà Nh có lãi, chị đã rút được số tiền 105.000.000 đồng tiền lãi và đã trả cho bà Nh, số đô la gốc còn nguyên trong tài khoản. Do chủ sản đầu tư là bà Nông Ngọc Th1 bỏ

trốn nên sàp bị sập, người đầu tư đã mất hết số tiền gốc còn lại, đây là tình trạng chung. Bà Nh đã nhiều lần đến đòi tiền và yêu cầu chị viết giấy nên chị đã viết giấy ghi ngày 16/4/2021, chị xác định là chữ viết trong giấy do bà Nh nộp cho Tòa án là của chị, không yêu cầu giám định. Nay bà Nh khởi kiện đòi anh chị số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 16/4/2021 đến nay, anh chị không chấp nhận. Việc bà Nh nhờ anh chị đầu tư tiền ảo, theo anh Q khai, ông H1 không biết, theo chị H khai ông H1 có biết hay không, chị không biết. Thông qua anh chị Th Th1 là người tạo tài khoản, sau đó anh chị Th Th1 chuyển đến sàp tổng do chị Nông Ngọc Th1 quản lý. Anh chị không biết địa chỉ và các thông tin cụ thể của chị Nông Ngọc Th1. Anh chị không đòi tiền anh chị Th Th1. Anh chị đã giao nộp được các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy ủy nhiệm chi chuyển tiền ngày 14/4/2021, các tin nhắn trích từ tài khoản zalo của chị H có nội dung trao đổi thông tin giữa chị H và anh chị Th Th1 liên quan đến mã tài khoản tiền ảo có tên bà Mạc Thị Nh.

Lời khai của những người làm chứng:

Bà Mạc Thị Nhung trình bày: Bà là em ruột bà Nh, thấy con trai và con dâu và nhiều người dân ở gần nhà đầu tư tiền ảo có lãi, vì thương chị vất vả mà không có tiền, bà đã nhiều lần đến nhà bà Nh bảo bà Nh tham gia đầu tư, bà Nh không có tiền nên đã vay quỹ tín dụng nhân dân xã CC để đầu tư. Sau khi vay tiền đã đưa cho anh chị H Q số tiền 300.000.000 đồng, thời gian đầu bà Nh đã rút được lãi số tiền 105.000.000 đồng, số đô gốc vẫn còn trong tài khoản. Bà cũng đầu tư 150.000.000 đồng, không may sàp sập không rút được tiền đã mất hết, đây là rủi ro chung. Nay bà Nh khởi kiện đòi tiền anh chị H Q, bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Anh Bùi Văn Th và chị Lê Thị Th1 đều thống nhất trình bày: Anh chị không quen biết ông bà Nh H1. Chị Th1 là chị họ của chị H, anh Th là anh rể của chị H. Thông qua vợ chồng anh chị nên chị H có biết đến kênh đầu tư tiền ảo do bà Nông Ngọc Th1 là chủ sàp giao dịch, vì chị H chưa biết cách lập tài khoản nên nhờ anh Th tạo tài khoản giúp, sau khi tạo tài khoản và mật khẩu xong anh Th đã bàn giao cho chị H. Ngày 14/4/2021 chị H nhờ anh Th tạo tài khoản cho bà Nh, chị H chuyển số tiền 450.000.000 đồng cho anh Th nhờ anh Th đăng ký mua đô (tiền ảo) hộ thông qua tài khoản của bà Nông Ngọc Th1 giá quy đổi đô 1000USD = 24.000.000 đồng tiền Việt Nam. Sau khi sàp sàp bà Th1 bỏ trốn. Anh chị và nhiều nhà đầu tư không biết địa chỉ của bà Nông Ngọc Th1 ở đâu nên đã mất trắng số tiền đầu tư, anh chị không quen biết và không có họ hàng gì với bà Nh, nếu chị H kiện đòi anh chị số tiền này anh chị không chấp nhận. Anh chị biết việc bà Nh tham gia đầu tư tiền ảo vì là đầu tư nên có rủi ro, khi có lãi chị H cũng nhiều lần nhắc bà Nh có rút gốc về không nhưng bà Nh

bảo là muốn để lại để lĩnh tiền lợi nhuận, trong khi lập tài khoản có chụp chứng minh thư nhân dân và chân dung bà Nh.

Ông Đặng Mậu Thân trình bày: Ngày 16/4/2021, Quỹ tín dụng nhân dân xã CC có cho ông bà Nh H1 vay số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay 01 năm, lãi suất 9%/năm. Có kế ước vay tiền. Hiện nay đã tắt toán kế ước. Sau khi giải ngân xong, ông bà Nh H1 có đưa tiền cho ai không Quỹ tín dụng không nắm được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 09/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 468, 554, 555, 556, 557, 558, 559 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh chị H Q phải trả lãi 9%/năm; 9,5%, 10,5%/năm kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mạc Thị Nh.

3. Buộc chị Phạm Thị H và anh Lê Văn Q phải trả bà Mạc Thị Nh và ông Nguyễn Văn H1 số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Phạm Thị H và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Khoảng tháng 7, tháng 8/2019, bà Nh nhiều lần đến nhà chị đòi tiền nhưng do không rút được tiền trong tài khoản tiền ảo ra (lúc đó sần sập) và thương bà Nh nên chị đã lấy tiền riêng của vợ chồng đưa cho bà Nh 3 lần với tổng số tiền 23.000.000 đồng để bà Nh trả lãi ngân hàng. Tuy nhiên, chị chỉ trình bày vậy chứ không yêu cầu bà Nh phải trả anh chị khoản tiền này. Bà Nh không thừa nhận đã nhận của chị H 23.000.000 đồng và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H và anh Lê Văn Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà; chị H và anh Q phải

chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của chị Phạm Thị H và anh Lê Văn Q trong thời gian luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bà Nh, ông H1 và chị H, anh Q đều xác nhận sự việc chị H, anh Q có nhận của bà Nh, ông H1 số tiền 300.000.000 đồng, nguồn tiền do vợ chồng bà Nh vay tại Quỹ tín dụng nhân dân xã CC, huyện Thanh Hà. Bà Nh trình bày sau khi vay tiền của Quỹ tín dụng, vợ chồng bà cho vợ chồng chị H vay lại số tiền trên với lãi suất và thời gian như ông bà vay của quỹ tín dụng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không lập văn bản, giấy tờ gì. Chị H, anh Q không thừa nhận việc vợ chồng bà Nh cho vay tiền mà xác định bà Nh đưa tiền để nhờ vợ chồng anh chị đầu tư tiền ảo qua mạng. Ngoài lời khai của mình, bà Nh không xuất trình thêm được chứng cứ nào khác chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận trình bày của bà Nh cho vợ chồng chị H, anh Q vay tiền.

[3] Chị H, anh Q xác định có nhận của bà Nh số tiền 300.000.000 đồng do bà Nh nhờ vợ chồng chị đầu tư tiền ảo nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh giữa ông H1, bà Nh và anh Q, chị H có thỏa thuận với nhau về việc đầu tư tiền ảo (cách thức đầu tư, tỷ lệ ăn chia lỗ, lãi, mức độ rủi ro...). Chị H có xuất trình 01 giấy ủy nhiệm chi ghi ngày 14/4/2021, thể hiện chị đã chuyển tiền cho anh Th, chị H cho rằng chị chuyển số tiền 300.000.000 đồng của bà Nh cho anh Th để nhờ anh Th mở tài khoản tiền ảo hộ bà Nh nhưng việc chuyển tiền này lại diễn ra vào ngày 14/4/2021, trước thời điểm bà Nh, ông H1 giao tiền cho vợ chồng chị 02 ngày (ngày 16/4/2021 vợ chồng bà Nh mới giao tiền). Ngoài ra, chị H còn xuất trình tài liệu là các đoạn tin nhắn trao đổi về việc mở tài khoản, rút tiền từ tài khoản tiền ảo mang tên Mạc Thị Nh với anh Bùi Văn Th, ảnh chụp chân dung, thẻ căn cước của bà Nh, HĐXX thấy việc liên hệ, giao dịch, tạo tài khoản và mật khẩu đều do chị H và anh chị Th Th1 thực hiện; mặc dù có mã tiền ảo tên Mạc Thị Nh nhưng mã tài khoản và mật khẩu này đều do chị H quản lý, điều hành. Việc chụp ảnh chân dung và thẻ căn cước của bà Nh để đăng ký tên tài khoản Mạc Thị Nh là do chị H thực hiện, trong khi bà Nh trình bày không biết chụp ảnh chân dung và thẻ căn cước để làm gì. Chị H và anh chị Th, Th1 đều khẳng định giữa ông bà Nh H1 và anh chị Th Th1 không quen biết nhau. Như vậy việc tạo tài khoản, mật khẩu có tên Mạc Thị Nh trong mã tài khoản tiền ảo và chuyển tiền vào tài khoản của anh Th là do chị H quản lý, thực hiện, không có căn cứ xác định bà Nh đã thể hiện ý chí định đoạt số tiền này để đầu tư

tiền ảo như lời trình bày của bị đơn. Vì vậy, chị H, anh Q nhận tiền nên phải có nghĩa vụ thanh toán trả bà Nh, ông H1 số tiền đã nhận.

[4] Về số tiền chị H, anh Q đã trả: Các bên đương sự đều xác định chị H, anh Q đã trả cho bà Nh, ông H1 số tiền 105.000.000 đồng vào tháng 6/2021. Chị H trình bày đây là tiền lãi từ mã tiền ảo của bà Nh, bà Nh xác định trong số 105.000.000 đồng chị H trả ông bà có 100.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi. Như phân tích ở trên, số tiền bà Nh, ông H1 giao cho chị H, anh Q không phải là tiền bà Nh, ông H1 nhờ đầu tư tiền ảo nên chị H, anh Q phải trả số tiền đã nhận, nên nếu xác định số tiền 105.000.000 đồng là tiền lãi như lời trình bày của chị H là không phù hợp và không có lợi cho chị H. Hơn nữa, căn cứ vào văn bản chị H viết cho bà Nh ghi ngày 16/4/2021, thể hiện sau khi trừ đi số tiền 105.000.000 đồng thì bà Nh còn nợ Ngân hàng 200.000.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm, chị H còn trình bày khoảng tháng 7, tháng 8/2021, chị đưa cho bà Nh số tiền 23.000.000 đồng (là tiền riêng của vợ chồng chị) để bà Nh trả lãi Ngân hàng nhưng chị không đưa ra được căn cứ chứng minh, cũng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết khoản tiền này nên HĐXX không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp về số tiền này thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ xác định chị H, anh Q đã trả bà Nh, ông H1 số tiền 105.000.000 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ số tiền 200.000.000 đồng, bà Nh không yêu cầu chị H, anh Q phải trả ông bà tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H, anh Q phải trả bà Nh, ông H1 khoản tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của chị H và anh Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị H, anh Q không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không được HĐXX xem xét giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H và anh Lê Văn Q; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn Q, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000927 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà.

3. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 28/11/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Nhu